ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 835 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 57/TTr-SXD ngày 31/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình

2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Dự án thực hiện trên phạm vi xã Hữu Khánh, xã Mẫu Sơn và thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích sử dụng đất: 1.816,6m^2, trong đó:

+ Diện tích đất hiện trạng 1.166,6m^2.

+ Diện tích đất thu hồi bổ sung khoảng 650m^2 (trong đó: 450m^2 để mở rộng khu đất trạm xử lý hiện trạng; 200m^2 để xây dựng cụm công trình thu nước).

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần AHM Hạ Long - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thành Nam.

6. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: dự án nhóm C; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp nước, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước nhằm đảm bảo chất lượng nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho toàn bộ người dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình phù hợp với tốc độ phát triển đô thị hóa, cùng sự gia tăng dân số của thị trấn Lộc Bình.

8. Quy mô đầu tư

8.1. Quy mô cấp nước: cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Lộc Bình với công suất 3.200m^3/ngày đêm.

8.2. Quy mô đầu tư xây dựng

Hiện trạng Trạm xử lý cấp nước sinh hoạt thị trấn Lộc Bình gồm: tuyến ống thu nước đầu nguồn phục vụ cụm xử lý nước công suất 1.200m^3/ngày đêm; các công trình, thiết bị trong khuôn viên khu đất hiện trạng trạm xử lý cấp nước Lộc Bình (diện tích 1.166,6m^2) phục vụ cụm xử lý nước công suất 1.200m^3/ngày đêm và các tuyến ống cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Lộc Bình: tiến hành cải tạo, sửa chữa hệ thống tuyến ống thu nước từ đầu nguồn; mở rộng khu đất Trạm xử lý nước thành 1.616,60m^2, phá dỡ, cải tạo, xây mới các công trình, thiết bị để phục vụ cụm xử lý nước công suất 1.200m^3/ngày đêm hiện trạng và bố trí lắp đặt mới cụm xử lý nước công suất 2.000m^3/ngày đêm; bổ sung các tuyến ống cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Lộc Bình, gồm các công việc:

a) Tuyến đầu nguồn Nà Mìu đến trạm xử lý nước thải (hiện trạng phục vụ cụm xử lý công suất 1.200m^3/ngày đêm):

- Đầu nguồn tại thôn Nà Mìu: xây mới hố thu nước kích thước (3,5x2,5)m, sâu 2,35m.

- Tuyến ống cấp nước từ đầu nguồn về trạm xử lý cấp nước: thay mới tuyến cấp nước dài 6.300m, giữ nguyên vị trí hướng tuyến, độ sâu chôn ống; sử dụng ống HĐPE D160, PN10, PE80.

- Thay mới 02 máy bơm nước thô đầu nguồn, công suất 60m^3/h, cột áp 16m; 02 tủ điện kích thước (1000x800x400)mm cho máy bơm.

b) Trạm xử lý nước:

- Phá dỡ các công trình hiện trạng tạo mặt bằng gồm: nhà làm việc hiện trạng 01 tầng, diện tích xây dựng 77m^2; nhà bếp 01 tầng diện tích xây dựng 35m^2; 02 bể chứa nước sạch dung tích 100m^3, tuyến tường rào (G-F, F-E và C-B) tổng chiều dài 78,42m và cổng chính hiện trạng.

- San nền khu đất mở rộng Trạm xử lý nước, diện tích 450m^2.

- Xây mới:

+ Nhà làm việc, 01 tầng, diện tích 110m^2; bể chứa nước sạch dung tích 250m^2; bể xử lý bùn sau rửa lọc dung tích 146,8m^3 phục vụ cả 02 cụm xử lý nước.

+ Các hạng mục phụ trợ: tuyến kè đá phần đất mở rộng dài 20,5m; tường rào 33,18m, sân bê tông diện tích 826,32m^2, cổng chính rộng 6,2m; bổ sung bê tông xi măng 2 bên đường dẫn vào trạm rộng 50cm để mở rộng lòng đường từ 2m thành 3m, tổng diện tích mở rộng 134,15m^2; lắp đặt hệ thống chiếu sáng ngoài nhà.

- Cải tạo, sửa chữa: sơn mới tường trong ngoài nhà trạm bơm hóa chất; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà.

- Thiết bị:

+ Cụm xử lý nước công suất 1.200m^3/ ngày đêm (hiện trạng) thay mới các thiết bị gồm: thiết bị hòa trộn tĩnh Static Mixer, thiết bị sơ lắng trộn nhanh, bể phản ứng hóa chất.

+ Cụm xử lý nước công suất 2.000m^3/ ngày đêm (lắp đặt mới) gồm: xây mới bệ đỡ thiết bị; lắp đặt các thiết bị: hòa trộn tĩnh Static Mixer, sơ lắng trộn nhanh, bể lắng lamella, bể lọc trọng lực tự rửa, 02 bơm tuần hoàn để xử lý nước sau rửa lọc, động cơ khuấy, bồn chứa, bơm định lượng hóa chất.

c) Tuyến thu nước thô xây mới phục vụ cho cụm xử lý 2.000m^3/ngày đêm (lấy nước từ sông Kỳ Cùng):

- Công trình thu nước gồm hố thu kích thước (5,1x5,1)m, sâu 10,9m; nhà vận hành trên mặt hố thu kích thước (5,1x5,1)m, cao 2,8m; tuyến đường từ đỉnh bờ sông ra hố thu dài 34m.

- Tuyến ống nước thô thu nước lên cụm xử lý 2.000m^3/ngày đêm, sử dụng ống HDPE D225mm PN10 dài 2.500m.

- Thiết bị: lắp đặt 02 bơm nước thô trong nhà vận hành.

d) Tuyến cấp nước sạch bổ sung mới:

- Tuyến từ trạm xử lý đến thị trấn Lộc Bình: chiều dài tuyến 800m, sử dụng ống HDPE D315mm PN10.

- Tuyến Pò Lèn - Pá Ôi: chiều dài tuyến 3.894m, sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D110mm, D75mm, D63mm, D50mm.

- Tuyến thôn Bản Gia: chiều dài tuyến 4.550m, sử dụng ống nhựa HDPE đường kính D110mm, D75mm, D63mm, D50mm.

9. Các giải pháp kỹ thuật của công trình thuộc dự án

9.1. Tuyến đầu nguồn Nà Mìu đến trạm xử lý nước hiện trạng phục vụ cụm xử lý công suất 1.200m^3/ngày đêm:

a) Đầu nguồn tại đập Nà Mìu: xây mới hố thu nước kích thước (3,5x2,5)m, sâu 2,35m; kết cấu hố bằng bê tông cốt thép mác 250, thành hố thu dày 250mm, đáy hố thu dày 300mm, bê tông lót mác 150 dày 10cm, sử dụng nắp inox.

b) Tuyến ống cấp nước từ đầu nguồn về trạm xử lý cấp nước: điểm đầu từ hố thu nước, điểm cuối đấu nối với tuyến ống gang D150mm hiện trạng; tuyến ống bố trí dọc theo lề các tuyến đường giao thông hiện trạng (đối với các đoạn đường ngoài đô thị); bố trí dọc dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông hiện trạng đối với các đoạn trong đô thị; ống chôn sâu từ (0,5-0,85)m so với mặt lề đường, vỉa hè; tiết diện tuyến mương chôn ống rộng (0,35-0,5)m; đắp hoàn trả bằng đất đầm chặt k=0,9 đối với các đoạn dọc lề đường; xây hoàn trả kết cấu mặt đường hiện trạng đối với các đoạn cắt ngang qua đường.

c) Lắp đặt bổ sung 02 bơm nước thô đầu nguồn, công suất 60m^3/h, cột áp 16m và 02 tủ điện kích thước (1x0,8x0,4)m cho máy bơm tại nhà chứa máy bơm hiện trạng. Điện cấp cho tủ điện và máy bơm được đấu nối từ hệ thống cấp điện hiện trạng.

9.2. Trạm xử lý nước

a) Phá dỡ bằng máy, kết hợp thủ công các công trình, hạng mục công trình tạo mặt bằng thi công xây dựng: nhà làm việc hiện trạng 01 tầng, diện tích xây dựng 77m^2, nhà bếp 01 tầng diện tích xây dựng 35m^2, 02 bể chứa nước sạch dung tích 100m^3, tuyến tường rào (G-F, F-E và C-B) tổng chiều dài 78,42m và cổng chính hiện trạng.

b) San nền khu đất mở rộng trạm xử lý nước: diện tích san nền 450m^2, cao độ san nền +303.5m, độ dốc san nền từ Tây sang Đông; đất đắp san nền được lấy từ mỏ đất đắp của dự án đường Quốc lộ 4B, độ chặt đất đắp san nền k=0,95.

c) Xây mới các công trình

- Nhà làm việc 01 tầng:

+ Kiến trúc: công trình bố trí tại góc phía Tây khu đất trạm xử lý, mặt bằng nhà hình chữ L, kích thước theo tim tường (7,04x13,44x13,16x4,72)m; chiều cao tôn nền 0,45m, chiều cao tầng 4,05m, chiều cao công trình 6,25m; mái dốc lợp tôn.

+ Công năng sử dụng: trong nhà bố trí 03 phòng làm việc diện tích mỗi phòng 14,63m^2, phòng họp diện tích 31,50m^2 và khu vực hành lang, vệ sinh.

+ Kết cấu: sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200, sàn mái dày 10cm; tường bao che xây gạch không nung dày 22cm; kết cấu đỡ mái bằng thép hộp mạ kẽm (80x40x1,4)mm.

+ Hoàn thiện: tường nhà trát, sơn hoàn thiện 01 nước lót, 02 nước phủ; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm; hệ thống cửa sử dụng cửa kính khung nhôm hệ, kính dày 6,38mm; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn (300x300)mm, tường ốp gạch (400x200)mm; mái lợp tôn dày 0,4mm.

+ Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, chống sét, thiết bị PCCC xách tay đồng bộ.

- Bệ đỡ các bình chữa của cụm xử lý 2.000m^3/ngày đêm bố trí cạnh ranh giới phía Tây khu đất, bệ bằng bê tông cốt thép mác 250, kích thước (6x9,5)m, dày 25cm.

- Bệ đỡ bể nước sạch 250m^3: bố trí tại khu đất mở rộng phía Đông, mặt bằng hình tròn, bể bằng bê tông cốt thép mác 250, đường kính 13,2m, thành dày 0,5m; mái che phía trên có khung thép đỡ bằng thép hộp (100x50x2)mm, mái lợp tôn dày 0,45mm.

- Bể xử lý bùn sau rửa lọc: bể ngầm kích thước (12x6,22)m, sâu 1,85m; lót đáy bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép mác 200, dày 20cm; thành bể xây gạch không nung, dày 22cm, trát vữa xi măng mác 75, lòng bể, đáy bể láng vữa xi măng mác 100.

- Tuyến kè đá đoạn Y-P: kè xây bằng đá hộc, vữa xi măng mác 75, đáy kè rộng 1,9m, lót đáy bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; chân kè rộng 0,975m, đỉnh kè rộng 0,4m.

- Tuyến tường rào xây mới đoạn E-K-G: trụ tường bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện (24x24)cm, cao 1,65m; tường bằng lưới B40 mạ kẽm, liên kết với trụ bằng thép L (50x50x5)mm và phương pháp hàn.

- Sân bê tông: kết cấu từ trên xuống gồm lớp bê tông xi măng mác 200, dày 15cm; lớp bạt chống thấm, lớp đất tự nhiên.

- Cổng chính: bố trí tại ranh giới phía Bắc khu đất mở rộng, chiều rộng thông thuỷ 5m, trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200, bên ngoài xây gạch không nung, tiết diện trụ (0,6x0,6)m, cao 3,5m; cánh cổng kích thước (2,45x2,83)m khung bằng thép hộp (80x40x2)mm; thanh ngang, thanh đứng bằng thép đặc (12x12)mm.

d) Cải tạo, sửa chữa:

- Vệ sinh, sơn mới tường trong và ngoài nhà trạm bơm hóa chất hiện trạng bằng sơn tổng hợp 01nước lót, 02 nước phủ.

- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà: lắp mới các cột đèn cao áp chiếu sáng, cột cao 6m, đèn công suất 120W.

- Tuyến đường hiện trạng từ đường dân sinh lên trạm: bổ sung lớp bê tông xi măng rộng 50cm hai bên mép đường dẫn lên trạm xử lý, để mở rộng lòng đường rộng từ 2m thành 3m, kết cấu mặt đường bổ sung từ trên xuống: lớp bê tông xi măng mác 250, dày 20cm; lớp bạt chống thấm; lớp đất tự nhiên.

đ) Thiết bị xử lý nước: được lắp đặt đồng bộ theo tiêu chuẩn hệ thống xử lý nước sạch sinh hoạt hiện hành.

9.3. Tuyến thu nước thô cho cụm xử lý 2.000m^3/ngày đêm

a) Cụm công trình thu nước

- Vị trí: tại bờ sông Kỳ Cùng cách trạm xử lý khoảng 2,5km về phía Đông Nam.

- Hố thu nước kết hợp nhà vận hành chứa máy bơm trên mặt: hố đặt ngầm dưới lòng sông, kích thước (5,1x5,1)m, sâu 10,9m; lót đáy hố bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; đáy, thành, mặt hố bằng bê tông cốt thép mác 200; đáy dày 40cm, thành dày 30cm, mặt dày 20cm. Nhà vận hành phía trên mặt bể

mặt bằng kích thước (5,1x5,1)m, cao 2,8m; tường bao, sàn mái bê tông cốt thép mác 200, dày 20cm và 10cm. Trong nhà bố trí 02 máy bơm công suất 100 m^3/h, cột áp 67m; điện cấp cho máy bơm được đấu nối từ tuyến dây dịch vụ của khu vực.

- Tuyến đường từ đỉnh bờ sông ra hố thu dài 34m: gồm tuyến bậc thang xây bằng đá hộc, mặt bậc rộng 1m; tuyến cầu cạn ra hố thu bằng bê tông cốt thép, mặt rộng 1m, nhịp cầu dài 11m; trụ cầu và móng trụ bằng bê tông cốt thép mác 250, trụ tiết diện (0,6x1)m; móng sâu 1m; lan can 2 bên tuyến đường bằng thép hợp mạ kẽm (80x40x2)mm, (75x75x2)mm, (50x50x2)m, cao 1,2m.

b) Tuyến ống nước thô thu nước lên cụm xử lý 2.000m^3/ngày đêm

- Điểm đầu từ hố thu nước, điểm cuối tại cụm xử lý nước 2.000m^3/ngày đêm; sử dụng ống nhựa HDPE D225mm PN10, tổng chiều dài 2.500m.

- Tuyến ống bố trí dọc theo lề các tuyến đường giao thông hiện trạng (đối với các đoạn đường ngoài đô thị); bố trí dọc dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông hiện trạng đối với các đoạn trong đô thị; ống chôn sâu từ (0,5-0,85)m so với mặt lề đường, vỉa hè; tiết diện tuyến mương chôn ống rộng (0,35-0,5)m; đắp hoàn trả bằng đất đầm chặt k=0,9 đối với các đoạn dọc lề đường; xây hoàn trả kết cấu mặt đường hiện trạng đối với các đoạn cắt ngang qua đường.

9.4. Tuyến cấp nước sạch

a) Tuyến chính từ bể chứa nước của trạm xử lý đến nhà văn hoá thôn Lục Thôn thị trấn Lộc Bình (N0-N49) sử dụng ống HDPE D315mm dài 800m.

b) Tuyến Pò Lèn - Pá Ôi được đấu nối từ cọc N47 của tuyến chính, gồm 04 tuyến nhánh: tuyến ống HDPE D110mm dài 755m, tuyến ống HDPE D75mm dài 494m, tuyến ống HDPE D63mm dài 2.094m, ống HDPE D50mm dài 551m.

c) Tuyến thôn Bản Gia được đấu nối từ cọc N8 của tuyến chính, gồm 04 tuyến nhánh: tuyến ống HDPE D110mm dài 1.057m; tuyến ống HDPE D75 dài 967m; tuyến ống HDPE D63mm dài 952m; tuyến ống HDPE D50mm dài 1.574m.

Các tuyến ống bố trí dọc theo lề các tuyến đường giao thông hiện trạng (đối với các đoạn đường ngoài đô thị); bố trí dọc dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông hiện trạng đối với các đoạn trong đô thị; ống chôn sâu từ (0,5-0,85)m so với mặt lề đường, vỉa hè; tiết diện tuyến mương chôn ống rộng (0,35-0,5)m; đắp hoàn trả bằng đất đầm chặt k= 0,9 đối với các đoạn dọc lề đường; xây hoàn trả kết cấu mặt đường hiện trạng đối với các đoạn cắt ngang qua đường.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCXD 05:2008/BXD Quy chuẩn quốc gia về nhà ở và công trình công cộng - An tòan sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD.

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 01-1:2024/BYT Chất lượng nước sạch sinh hoạt.

- TCVN 4319:2012 Nguyên tắc thiết kế nhà và công trình công cộng.

- TCVN 9632:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép.

- TCVN 5575:2024 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385-2012 Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- TCVN 7114:2008 ISO 8995 Ecgônômi - Chiếu sáng nơi làm việc.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đặt dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thết kế.

- TCXDVN 51:2008 Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

- TCVN 3890: 2023 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- TCVN 5738:2021 Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **28.239.359.000,0 đồng**, trong đó:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 174.049.840 đồng;
- Chi phí xây dựng : 16.660.631.310 đồng;
- Chi phí thiết bị: 7.366.889.082 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 507.199.112 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 2.122.946.137 đồng;
- Chi phí khác: 230.547.185 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.177.096.334 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025.

14. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HVTr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh